TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 04/6/2019
V/v: "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Minh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đức

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thanh Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Dáng Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 387/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2018 về việc "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 64/2019/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Đỗ Thanh B, sinh năm 1983 (Có mặt)

Địa chỉ: tổ 11, ấp BĐ, xã TS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Chị Quách Thái C, sinh năm 1982 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B Thành, xã B Thành, huyện T, tỉnh An Giang.

(Đã được tống đạt thủ tục tố tụng hợp lệ)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai, biên bản ghi lời khai, trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh Đỗ Thanh B trình bày:*

Anh và chị Quách Thái C do mai mối, chung sống với nhau từ năm 2006, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang ngày 03/5/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến gần cuối năm 2013, thì vợ chồng anh phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân tính tình không hợp nhau, có nhiều bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng anh sống chung với gia đình anh nên chị C mâu thuẫn với chị của anh. Do đó, chị C dọn ra ngoài ở riêng gần nhà cha mẹ anh cách khoảng hơn 01km, anh thì vẫn sống chung với gia đình anh, nhưng anh vẫn thường tới lui sống với chị C. Sau đó khoảng năm 2016 thì chị C dọn về bên nhà cha mẹ ruột chị C ở xã B Thành sinh sống. Anh cũng có tới lui bên vợ vài lần, cũng có ý định hàn gắn nhưng không được nên anh không tới lui nữa. Vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng tháng 5/2016 cho đến nay. Nhận thấy, cuộc sống hôn nhân không thể hàn gắn và kéo dài nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Quách Thái C.

- *Về quan hệ con chung*: Không có.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản ghi lời khai, biên bản hòa giải ngày 15 tháng 01 năm 2019 bị đơn chị Quách Thái C trình bày:*

Thống nhất lời trình bày của anh Đỗ Thanh B về quá trình hôn nhân, nhưng vợ chồng chung sống không có mâu thuẫn, do chị có mâu thuẫn với chị chồng thì chị có dọn ra ngoài sống và đi Thành phố Hồ Chí Minh làm. Vợ chồng sống ly thân từ khoảng tháng 5/2016 cho đến nay nhưng vợ chồng cũng có liên lạc, chỉ giữa năm 2017 cho đến nay là không có liên lạc. Nay, anh B yêu cầu được ly hôn với chị thì không đồng ý vì chị còn thương chồng nhưng chị không đưa ra được giải pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng với anh B.

- Về quan hệ con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Chị và anh B có số vàng cưới gồm đôi bông 01 chỉ vàng 24K 9999, lắc tay 05 chỉ vàng 24K 9999, dây chuyền và mặt dây 05 chỉ vàng 24K 9999. Tổng cộng là 01 lượng 01 chỉ vàng 24K 9999. Số vàng này sau khi cưới thì anh B lấy bán để mua đầu máy cày để thay vào máy cày cũ. Nếu ly hôn, chị sẽ yêu cầu chia đôi số vàng cưới là 01 lượng 01 chỉ vàng 24K 9999 mỗi người 05 chỉ 05 phân vàng 24K 9999 (trị giá khoảng 19.800.000 đồng).

- Về nợ chung: Không có.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:* Việc Tòa án tiến hành thụ lý giải quyết là đúng theo trình tự thủ tục và thẩm quyền, trong quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự trong vụ án cũng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Về nội dung: Căn cứ theo các quy định của

pháp luật, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đỗ Thanh B. Về con chung: Không có. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, bị đơn chị Quách Thái C có địa chỉ tại ấp B Thành, xã B Thành, huyện T, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn chị Quách Thái C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị Quách Thái C.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Thanh B với chị Quách Thái C chung sống với nhau từ năm 2006, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang ngày 03/5/2013. Vì vậy, đây là hôn nhân hợp pháp phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của anh Đỗ Thanh B, Hội đồng xét xử xét thấy: Anh B và chị C sau khi tổ chức đám cưới chung sống với nhau hạnh phúc thời gian đầu đến gần cuối năm 2013, thì vợ chồng anh phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân tính tình không hợp nhau, có nhiều bất đồng về quan điểm sống, sống chung với gia đình anh B nên chị C mâu thuẫn với gia đình anh B. Do đó, chị C dọn ra ngoài ở riêng, anh B thì vẫn sống chung với gia đình, nhưng anh B vẫn thường tới lui sống với chị C. Sau đó khoảng năm 2016, chị C về nhà cha mẹ ruột chị C ở xã B Thành sinh sống thì anh B cũng có tới lui vài lần, cũng có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị C nhưng không được nên anh B không tới lui nữa. Nên vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng tháng 5/2016 cho đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của anh B, chị C tại ấp B Thành, xã B Thành thì được cung cấp như sau: từ khi chị C kết hôn với anh B thì chị C về sống bên chồng ở huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang, lâu lâu chị C mới về nhà cha mẹ ruột chơi. Đến khoảng năm 2014 chị C có mâu thuẫn, cự cãi với chồng và gia đình chồng nên chị C về nhà mẹ ruột tại ấp B Thành, xã B Thành sinh sống. Hiện nay thì chị C đi làm ở B Dương thỉnh thoảng cũng về thăm gia đình.

Về phía chị C, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho chị C, tạo điều kiện cho chị C hàn gắn tình cảm với anh B, chị C có đến tham dự phiên hòa giải và chị không đồng ý ly hôn với anh B vì chị cho rằng chị còn thương anh B nhưng chị lại không đưa ra được giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng với anh B. Mặc dù, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng chị C vẫn vắng mặt tại phiên tòa hôm nay mà không có lý do chính đáng, điều này cho thấy chị C hoàn toàn không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ những nhận định, phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa anh Đỗ Thanh B với chị Quách Thái C đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó có đủ căn cứ để áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đỗ Thanh B.

[2.2] Về quan hệ con chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung: Anh Đỗ Thanh B xác định không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết. Chị Quách Thái C xác định có tài sản chung nên trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã giải thích và yêu cầu chị C thực hiện thủ tục về yêu cầu chia tài sản chung nhưng chị C không thực hiện quyền của mình nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này chị C có yêu cầu thì chị C khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

[2.4] Về nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Do anh Đỗ Thanh B yêu cầu giải quyết ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Đỗ Thanh B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Thanh B được ly hôn với chị Quách Thái C.

Giấy chứng nhận kết hôn số 53 Quyển số 01/2013 ngày 03 tháng 5 năm 2013 của Ủy ban nhân dân xã TS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về quan hệ con chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

3. Về quan hệ tài sản:

- Về tài sản chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Ghi nhận anh Đỗ Thanh B với chị Quách Thái C không có nợ chung, nhưng sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của anh, chị trong thời kỳ sống chung thì anh Đỗ Thanh B với chị Quách Thái C vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách là đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

4. Về án phí: Anh Đỗ Thanh B phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009131 ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh An Giang.

5. Anh Đỗ Thanh B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị Quách Thái C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã TS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Minh Tâm